TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 105/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 07 – 2024.
"V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨNG LIÊM
TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Văn Vui**
Các hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Hồng**
Ông **Trần Văn Lập**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Triệu Thị Ngọc Châu** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 07 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST - HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2024 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" , theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 167/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 07 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1975 (có mặt).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08/01/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Nguyễn Văn H trình bày*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị H1 do quen biết, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân, được gia đình tổ chức đám cưới vào năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 14/01/2002.

Sau ngày cưới vợ chồng sống tại ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường hay cải nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, giữa anh H và chị H1 đã ly thân từ năm 2023 cho đến nay.

Nay anh H thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn sống hạnh phúc được nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị H1.

2. Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Phi C, sinh ngày 07/12/2002 và Nguyễn Phi Y, sinh ngày 14/10/2005, hiện nay hai Phi Cơ và Phi Y đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung phải thu, phải trả: Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***** Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng chị H1 không đến Tòa án để tham gia tố tụng và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Nguyễn Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn giữa anh với chị Nguyễn Thị H1. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị H1 đã được Tòa án tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, chị H1 vắng mặt đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình nên phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt, căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị H1.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 do quen tiến tới hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số: 02 ngày 14 tháng 01 năm 2002 nên hôn nhân giữa anh H, chị H1 là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét thấy, Theo lời trình bày của anh H thì anh và chị H1 đã có nhiều mâu thuẫn xảy ra trong cuộc sống hôn nhân, anh chị đã sống ly thân trong thời gian dài mà không thể hàn gắn đoàn tụ được, đã cho thấy hôn nhân giữa anh H, chị H1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung*: anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 có 02 người con chung tên Nguyễn Phi C, sinh ngày 07/12/2002 và Nguyễn Phi Y, sinh ngày 14/10/2005, hiện nay hai cháu Phi C và Phi Y đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả*: anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí sơ thẩm: anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 9, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**** Tuyên xử:*** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn H.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Cho anh Nguyễn Văn H được ly hôn với chị Nguyễn Thị H1.

- *Về con chung*: anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị H1 có 02 người con chung tên Nguyễn Phi C, sinh ngày 07/12/2002 và Nguyễn Phi Y, sinh ngày 14/10/2005, hiện nay hai cháu Phi C và Phi Y đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ chung phải thu, phải trả*: anh Nguyễn Văn H không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị Nguyễn Thị H1 vắng mặt không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Án phí sơ thẩm*:

Anh Nguyễn Văn H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số N^{0} 0008732 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Anh Nguyễn Văn H đã nộp đủ không phải nộp thêm.

Chị Nguyễn Thị H1 không phải chịu án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại địa phương để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử lại phúc thẩm./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TA tỉnh V;
- VKSND huyện Vũng Liêm;
- THADS huyện V;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân xã H;
- Lưu.

Huỳnh Văn Vui